

Số: 322 /KH-CĐSL

Sơn La, ngày 31 tháng 10 năm 2023

KẾ HOẠCH
Tuyển dụng viên chức Trường Cao đẳng Sơn La năm 2023

Căn cứ Luật viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Thông tư số 07/2023/TT-BLĐTBXH ngày 28/8/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; xếp lương, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 35/2020/TT-BGDĐT ngày 01/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm công lập; Thông tư số 04/2022/TT-BGDĐT ngày 04/3/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2020/TT-BGDĐT ngày 01/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm công lập;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện;

Căn cứ Thông tư số 28/2022/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư

quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng và chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh Sơn La ban hành quy định phân cấp quản lý biên chế, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 1585/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Trường Cao đẳng Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 2705/QĐ-UBND ngày 24/12/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2023; Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 26/07/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc điều chỉnh số lượng người làm việc của Trường Cao đẳng Sơn La tại Quyết định số 2705/QĐ-UBND ngày 24/12/2022 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-SNV ngày 06/01/2023 của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La về việc giao cơ cấu ngạch, mã số, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức cho các trường Cao đẳng năm 2023; Quyết định số 504/QĐ-SNV ngày 28/08/2023 của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La về việc điều chỉnh cơ cấu ngạch, mã số, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức cho các trường Cao đẳng;

Căn cứ Công văn số 81/SNV-CCVC ngày 13/01/2023 của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La về việc thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã;

Căn cứ Công văn số 514/SNV-CCVC ngày 31/3/2023 của Sở Nội vụ về việc tuyển dụng, tiếp nhận công chức, viên chức năm 2023.

Căn cứ thực trạng số lượng người làm việc trong Trường Cao đẳng Sơn La. Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2023, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

Xây dựng và củng cố đội ngũ nhà giáo, cán bộ nghiệp vụ đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu, đáp ứng các yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường theo hướng đa ngành, đa hệ trong giai đoạn mới.

2. Yêu cầu:

- Việc tuyển dụng phải đảm bảo dân chủ, công khai, công bằng, thực hiện chính sách ưu tiên theo đúng pháp luật.

- Tuyển dụng phải căn cứ vào số chỉ tiêu biên chế của đơn vị đã được cấp có thẩm quyền giao.

- Mọi công dân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định đều được tham gia tuyển dụng vào ngạch viên chức trong đơn vị.

- Những người được tuyển dụng phải đúng tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ và bố trí đúng vị trí việc làm.

- Tổ chức tuyên truyền, thông báo rộng rãi bằng nhiều hình thức để các cá nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn biết và tham dự đăng ký tuyển dụng.

II. THỰC TRẠNG SỬ DỤNG SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

1. Số lượng người làm việc được giao năm 2023: 327 người, trong đó:

- VTVL Lãnh đạo, quản lý: 55 người.
- VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 252 người.
- VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 20 người.
- VTVL hỗ trợ phục vụ: 0 người.

2. Số lượng người làm việc hiện có (tính đến ngày 15/10/2023): 279 người, trong đó:

- VTVL Lãnh đạo, quản lý: 52 người.
- VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 210 người.
- VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 17 người.
- VTVL hỗ trợ phục vụ: 0 người.

3. Số lượng viên chức nghỉ hưu, thôi việc, nghỉ chế độ khác trong năm 2023:

- Nghỉ hưu: 02 người; Chuyển công tác: 07 người.

(Có Biểu số 02 kèm theo)

4. Số lượng viên chức phải giảm theo Đề án quản lý biên chế giai đoạn 2023 - 2026: 11 người

5. Số lượng người làm việc còn thiếu sau khi thực hiện giảm trừ theo Đề án quản lý biên chế giai đoạn 2023 - 2026: 37 người, trong đó:

- VTVL Lãnh đạo, quản lý: 03 người.
- VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 31 người.
- VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 03 người.
- VTVL hỗ trợ phục vụ: 00 người.

Lý do thiếu: nghỉ hưu: 04 người; chuyển công tác: 07 người; tinh giản biên chế theo ND 108/CP: 06 người; xin thôi việc: 03 người; Chưa tuyển dụng được 17 Người.

(Có Biểu số 01 kèm theo)

III. KẾ HOẠCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2023

1. Nhu cầu, chỉ tiêu tuyển dụng

Tổng số người làm việc cần tuyển dụng: **13** chỉ tiêu, trong đó:

a) Vị trí Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết - mã số: V.09.02.03: 11 chỉ tiêu, gồm có:

+ Vị trí Giảng viên giáo dục NN lý thuyết ngành/ Chuyên ngành: Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí, giảng dạy bộ môn Công nghệ Kỹ thuật Điện - Môi trường: 02 chỉ tiêu;

+ Vị trí Giảng viên giáo dục NN lý thuyết ngành/ Chuyên ngành: Chế biến nông lâm sản, giảng dạy bộ môn Lâm nghiệp: 02 chỉ tiêu;

+ Vị trí Giảng viên giáo dục NN lý thuyết ngành/ Chuyên ngành: Chế biến và bảo quản thủy sản, giảng dạy bộ môn Chăn nuôi-Thú y-Thủy sản: 01 chỉ tiêu;

+ Vị trí Giảng viên giáo dục NN lý thuyết ngành/ Chuyên ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, giảng dạy bộ môn Du lịch: 01 chỉ tiêu;

+ Vị trí Giảng viên giáo dục NN lý thuyết ngành/ Chuyên ngành: Chăn nuôi - thú y, giảng dạy bộ môn Chăn nuôi-Thú y-Thủy sản: 01 chỉ tiêu;

+ Vị trí Giảng viên giáo dục NN lý thuyết ngành/ Chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá, giảng dạy bộ môn Công nghệ Kỹ thuật Điện - Môi trường: 01 chỉ tiêu;

+ Vị trí Giảng viên giáo dục NN lý thuyết ngành/ Chuyên ngành: Sư phạm Âm nhạc, giảng dạy bộ môn Âm nhạc - Múa: 01 chỉ tiêu;

+ Vị trí Giảng viên giáo dục NN lý thuyết ngành/ Chuyên ngành: Chính trị học (chuyên ngành Hồ Chí Minh học), giảng dạy bộ môn Chính trị học: 01 chỉ tiêu.

+ Vị trí Giảng viên giáo dục NN lý thuyết ngành/ Chuyên ngành: Múa, giảng dạy bộ môn Âm nhạc - Múa: 01 chỉ tiêu;

b) Vị trí Giảng viên cao đẳng sư phạm hạng III (mã số: V.07.08.22), ngành/ Chuyên ngành: Sư phạm Ngữ Văn, Văn học, Ngôn ngữ Việt Nam; giảng dạy bộ môn Khoa học xã hội: 01 chỉ tiêu.

- Vị trí Thư viện viên hạng III (Mã số: V.10.02.06): 01 chỉ tiêu.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện dự tuyển

a) Tiêu chuẩn, điều kiện chung

- Theo quy định tại Điều 22 của Luật Viên chức, người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

+ Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;

+ Từ đủ 18 tuổi trở lên. Đối với một số lĩnh vực hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, tuổi dự tuyển có thể thấp hơn theo quy định của pháp luật; đồng thời, phải có sự đồng ý bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật;

+ Có đơn đăng ký dự tuyển;

+ Có lý lịch rõ ràng;

+ Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề hoặc có năng khiếu kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm;

+ Đủ sức khoẻ để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;

+ Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do đơn vị sự nghiệp công lập xác định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

- Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức:

- + Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- + Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

b) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của người dự tuyển

*** Đối với vị trí Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (mã số V.09.02.03)**

- Có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên phù hợp với ngành, nghề giảng dạy, cụ thể:

+ Tốt nghiệp một trong các ngành: Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá (*đối với vị trí Giảng viên giáo dục NN lý thuyết giảng dạy bộ môn Công nghệ Kỹ thuật Điện - Môi trường*)

+ Tốt nghiệp một trong các ngành/ Chuyên ngành: *Chế biến nông lâm sản (đối với vị trí Giảng viên giáo dục NN lý thuyết giảng dạy bộ môn Lâm nghiệp);*

+ Tốt nghiệp một trong các ngành/ Chuyên ngành: Chế biến và bảo quản thủy sản, Chăn nuôi thú y (*đối với vị trí Giảng viên giáo dục NN lý thuyết giảng dạy bộ môn Chăn nuôi-Thú y-Thủy sản*);

+ Tốt nghiệp ngành/ Chuyên ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (*đối với vị trí Giảng viên giáo dục NN lý thuyết giảng dạy bộ môn Du lịch*);

+ Tốt nghiệp ngành/ Chuyên ngành: Sư phạm Âm nhạc, Múa (*đối với vị trí Giảng viên giáo dục NN lý thuyết giảng dạy bộ môn Âm nhạc - Múa*);

+ Tốt nghiệp ngành/ Chuyên ngành: Chính trị học (chuyên ngành Hồ Chí Minh học) *đối với vị trí Giảng viên giáo dục NN lý thuyết giảng dạy bộ môn Chính trị học;*

- Có văn bằng, chứng chỉ đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm theo quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (*Theo Khoản 2, Điều 7, Thông tư số 07/2023/TT-BLĐTBXH ngày 28/8/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; xếp lương, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp*)

*** Đối với vị trí Giảng viên cao đẳng sư phạm hạng III (mã số: V.07.08.22)** (*quy định tại: Khoản 2 Điều 4, Thông tư số 35/2020/TT-BGDĐT ngày 01/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm công lập;*

Khoản 1 Điều 4, Thông tư số 04/2022/TT-BGDĐT ngày 04/3/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2020/TT-BGDĐT ngày 01/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm công lập)

- Có bằng đại học trở lên phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành giảng dạy (ngành, chuyên ngành: Sư phạm Ngữ Văn; Văn học; Ngôn ngữ Việt Nam).

- Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (đối với người không tốt nghiệp đại học sư phạm)

*** Đối với vị trí Thư viện viên hạng III (mã số: V.10.02.06)**

(quy định tại Khoản 2, Điều 6, Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện)

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.

3. Hình thức tuyển dụng: Xét tuyển

4. Đối tượng và điểm ưu tiên trong tuyển dụng viên chức

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ, cụ thể:

4.1. Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

4.2. Trường hợp người dự thi tuyển hoặc dự xét tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm vòng 2.

5. Phiếu đăng ký dự tuyển, thời gian, địa điểm tiếp nhận phiếu đăng ký

- Người đăng ký dự tuyển viên chức nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính 01 Phiếu đăng ký dự tuyển vào 01 vị trí việc làm theo đúng mẫu quy tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của chính phủ vào một vị trí việc

làm, người đăng ký dự tuyển viên chức phải khai đầy đủ các nội dung yêu cầu trong Phiếu đăng ký dự tuyển tính đến thời điểm nộp Phiếu đăng ký dự tuyển và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai trong phiếu (*Mẫu phiếu đăng ký dự tuyển viên chức theo Mẫu số 01 của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ*)

- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên cổng thông tin điện tử của trường Cao đẳng Sơn La.

- Địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển: tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của trường Cao đẳng Sơn La (*Địa chỉ: Phòng Tổ chức - Hành chính, Trường Cao đẳng Sơn La, Tổ 2 Phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; Số điện thoại liên hệ: 02123.874.480*).

6. Trình tự, thủ tục tuyển dụng và các nội dung liên quan đến xét tuyển viên chức

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức; thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, cụ thể việc xét tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng như sau:

- *Vòng 1*: Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

- *Vòng 2*:

+ Hình thức thi: Thi Phỏng vấn.

+ Nội dung: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

+ Thời gian: Thi Phỏng vấn 30 phút (*trước khi phỏng vấn, thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị*).

+ Thang điểm thi phỏng vấn: 100 điểm

7. Cách xác định người trúng tuyển

- Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

+ Có kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.

+ Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

- Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm tính theo quy định bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì

người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

- Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

8. Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng

Thực hiện theo Điều 17, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ, cụ thể:

8.1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng. Hồ sơ tuyển dụng bao gồm:

a) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

Trường hợp người trúng tuyển có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

b) Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

8.2. Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức ra quyết định hủy kết quả trúng tuyển.

Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

9. Phúc khảo

Theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 15 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 2 bằng hình thức phỏng vấn hoặc thực hành.

10. Thời gian dự kiến tổ chức tuyển dụng

Dự kiến thời gian tổ chức tuyển dụng trong Quý IV năm 2023 (sau khi có Quyết định phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng của Sở Nội vụ).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Giao phòng Tổ chức - Hành chính (sau khi có văn bản phê duyệt kế hoạch tuyển dụng của Sở Nội vụ

- Tham mưu ban hành các văn bản triển khai thực hiện công tác tuyển dụng viên chức năm 2023 theo đúng quy định hiện hành.

- Niêm yết công khai kết quả xét tuyển tại trụ sở làm việc.

- Phê duyệt kết quả xét tuyển và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.
- Ban hành Quyết định tuyển dụng.
- Báo cáo kết quả tuyển dụng với Sở Nội vụ.

2. Trách nhiệm của Hội đồng tuyển dụng

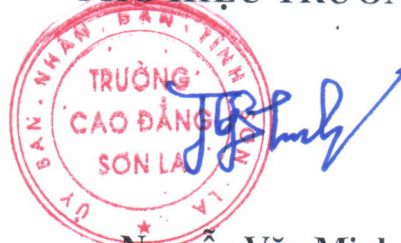
- Ban hành các văn bản và tổ chức xét tuyển dụng theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước; chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng trường cao đẳng Sơn La về kết quả tuyển dụng.
- Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức tuyển dụng (nếu có).

Trên đây là Kế hoạch tuyển dụng viên chức của Trường Cao đẳng Sơn La năm 2023 (thay thế cho Kế hoạch số 307/KH-CĐSL ngày 18/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc tuyển dụng viên chức Trường Cao đẳng Sơn La năm 2023). Nhà trường kính trình Sở Nội vụ tỉnh Sơn La xem xét phê duyệt tạo điều kiện đảm bảo nhân lực thực hiện có hiệu quả hơn nữa chức năng, nhiệm vụ được giao./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh Sơn La (Báo cáo);
- BTV Đảng uỷ (Báo cáo);
- Ban Giám hiệu (Chỉ đạo);
- Các đơn vị trực thuộc (Thực hiện);
- Lưu: VT, TCHC.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Minh



**BIỂU BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC THỰC HIỆN
VÀ NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2023**
(Kèm theo Kế hoạch số 322 /KH-CDSL ngày 31/10/2023 của Trường Cao đẳng Sơn La)

STT	Tên cơ quan, đơn vị/ Vị trí việc làm	Chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao năm 2023							Nhu cầu cần tuyển dụng theo vị trí việc làm tại thời điểm báo cáo					
		Tổng số	Chia ra					Mã chức danh NN	Tổng số	Chia ra				
			Vị trí quản lý	Vị trí chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	Vị trí chuyên môn dùng chung	Số thực hiện tính đến thời điểm báo cáo	Hạng chức danh NN			Vị trí quản lý	Vị trí chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	Vị trí chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	Hạng chức danh NN	Mã chức danh NN
	TỔNG CỘNG	327	55	252	20	279	0		13	0	13	0	III	V.09.02.03 V.07.08.22 V.10.02.06
1	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	55	55	0	0	52	0	0	0	0	0	0	0	0
1.1	Chủ tịch hội đồng	0	0			0								
1.2	Hiệu trưởng	1	1			1	Giảng viên chính hạng II hoặc TD	V.07.01.02 hoặc TD						
1.3	Phó hiệu trưởng	1	1			1	Giảng viên chính hạng II hoặc TD	V.07.01.02 hoặc TD						
		2	2			2	Giảng viên GDNN lý thuyết hạng III hoặc TD	V.09.02.03 hoặc TD						
1.4	Trưởng phòng/ Giám đốc trung tâm	4	4			3	Giảng viên chính hạng II hoặc TD	V.07.01.02 hoặc TD						
						1	Giảng viên CĐ chính hạng II hoặc TD	V.07.08.21 hoặc TD						
		5	5			5	Giảng viên GDNN lý thuyết hạng III hoặc TD	V.09.02.03 hoặc TD						

STT	Tên cơ quan, đơn vị/ Vị trí việc làm	Chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao năm 2023							Nhu cầu cần tuyển dụng theo vị trí việc làm tại thời điểm báo cáo					
		Tổng số	Chia ra						Tổng số	Chia ra				
			Vị trí quản lý	Vị trí chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	Vị trí chuyên môn dùng chung	Số thực hiện tính đến thời điểm báo cáo	Hạng chức danh NN	Mã chức danh NN		Vị trí quản lý	Vị trí chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	Vị trí chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	Hạng chức danh NN	Mã chức danh NN
1.5	Phó Trường phòng/Phó giám đốc trung tâm	1	1			1	Giảng viên chính hạng II hoặc TĐ	V.07.01.02 hoặc TĐ						
						6	Giảng viên CĐSP hạng III hoặc TĐ	V.07.08.22 hoặc TĐ						
		10	10			4	Giảng viên GDNN lý thuyết hạng III hoặc TĐ	V.09.02.03 hoặc TĐ						
		4	4			3	Giáo viên GDNN lý thuyết hạng III hoặc TĐ	V.09.02.07 hoặc TĐ						
1.6	Trường khoa	3	3			3	Giảng viên chính hạng II hoặc TĐ	V.07.01.02 hoặc TĐ						
						1	Giảng viên CĐSP hạng III hoặc TĐ	V.07.08.22 hoặc TĐ						
		6	6			5	Giảng viên GDNN lý thuyết hạng III hoặc TĐ	V.09.02.03 hoặc TĐ						
		1	1			1	Giáo viên GDNN lý thuyết hạng III hoặc TĐ	V.09.02.07 hoặc TĐ						
1.7	Phó Trường khoa	2	2			2	Giảng viên chính hạng II hoặc TĐ	V.07.01.02 hoặc TĐ						
						4	Giảng viên CĐSP hạng III hoặc TĐ	V.07.08.22 hoặc TĐ						
		11	11			6	Giảng viên GDNN lý thuyết hạng III hoặc TĐ	V.09.02.03 hoặc TĐ						
		4	4			3	Giáo viên GDNN lý thuyết hạng III hoặc TĐ	V.09.02.07 hoặc TĐ						

STT	Tên cơ quan, đơn vị/ Vị trí việc làm	Chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao năm 2023							Nhu cầu cần tuyển dụng theo vị trí việc làm tại thời điểm báo cáo					
		Tổng số	Chia ra					Mã chức danh NN	Tổng số	Chia ra				
			Vị trí quản lý	Vị trí chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	Vị trí chuyên môn dùng chung	Số thực hiện tính đến thời điểm báo cáo	Hạng chức danh NN			Vị trí quản lý	Vị trí chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	Vị trí chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	Hạng chức danh NN	Mã chức danh NN
2	Vị trí chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	252	0	252	0	210			13	0	13	0	III	V.09.02.03 V.07.08.22 V.10.02.06
2.1	Giảng viên	6		6		2	Giảng viên chính hạng II hoặc TĐ	V.07.01.02 hoặc TĐ						
		50		50		49	Giảng viên CĐSP hạng III hoặc TĐ	V.07.08.22 hoặc TĐ	1	0	1	0	III	V.07.08.22
2.2	Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp	147		147		119	Giảng viên GDNN lý thuyết hạng III hoặc TĐ	V.09.02.03 hoặc TĐ	11	0	11	0	III	V.09.02.03
2.3	Giáo viên	30		30		28	Giáo viên GDNN lý thuyết hạng III hoặc TĐ	V.09.02.07 hoặc TĐ						
		15		15		2	Giáo viên Trung học Phổ thông hạng III hoặc TĐ	V.07.05.15 hoặc TĐ						
		0		0		1	Giáo viên Trung học Cơ sở hạng III hoặc TĐ	V.07.04.12 hoặc TĐ						
		0		0		2	Giáo viên trung học hoặc TĐ	15,113						
		0		0		3	Giáo viên GDNN thực hành hạng III hoặc TĐ	V.09.02.08						
		0		0		1	Giáo viên GDNN hạng IV hoặc TĐ	V.09.02.09						
2.4	Thư viện	4		4		1	Thư viện viên hạng III	V.10.02.06	1		1	0	III	V.10.02.06
		0		0		2	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07						

STT	Tên cơ quan, đơn vị/ Vị trí việc làm	Chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao năm 2023							Nhu cầu cần tuyển dụng theo vị trí việc làm tại thời điểm báo cáo					
		Tổng số	Chia ra						Tổng số	Chia ra				
			Vị trí quản lý	Vị trí chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	Vị trí chuyên môn dùng chung	Số thực hiện tính đến thời điểm báo cáo	Hạng chức danh NN	Mã chức danh NN		Vị trí quản lý	Vị trí chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	Vị trí chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	Hạng chức danh NN	Mã chức danh NN
3	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	20	0	0	20	17			0	0	0	0	0	0
3.1	Chuyên viên về hành chính-	4			4	4	Chuyên viên (hạng III)	01.003						
3.2	Kế toán viên	3			3	1	Kế toán viên	06.031						
3.3	Thủ quỹ	2			2	2	Nhân viên Thủ quỹ	06.035						
3.4	Y tế	3			3	3	Y sỹ hạng IV	V.08.03.07						
		1			1	1	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13						
3.5	Nhân viên Kỹ thuật viên	2			2	1	Kỹ sư hạng III	V.05.02.07						
		3			3	3	Kỹ thuật hạng IV	V.05.02.08						
3.6	Văn thư - Lưu trữ viên	2			2	2	Lưu trữ viên hạng IV	V.01.02.03						





**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG VIÊN CHỨC NGHỈ HƯU ĐÚNG TUỔI,
NGHỈ THÔI VIỆC, NGHỈ CHÍNH SÁCH, CHUYỂN CÔNG TÁC
THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT NĂM 2023**

(Kèm theo Kế hoạch số 322/KH-CĐSL ngày 31/10/2023 của Trường Cao đẳng Sơn La)

TT	Tên cơ quan, tổ chức	Số người nghỉ hưu đúng tuổi, nghỉ thôi việc, nghỉ theo NĐ 108, xin thôi việc							
		Tổng số	Chức danh quản lý	Vị trí chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	Vị trí chuyên môn	Hạng chức danh NN	Mã chức danh nghề nghiệp	Thời gian nghỉ (ngày/tháng/năm)	Lý do nghỉ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA								
1	Phòng Quản trị - Thiết bị	1	1			Giảng viên GDNN chính hạng II hoặc TĐ	V.07.01.02	Tháng 1.2023	Nghỉ theo NĐ108
2	Phòng Khảo Thí và Đảm bảo chất lượng	1	1			Giảng viên GDNN chính hạng II hoặc TĐ	V.07.01.02	Tháng 12.2023	Nghỉ theo NĐ108
3	Phòng Đào tạo	1		1		Giảng viên GDNN lý thuyết hạng III	V.09.02.03	Tháng 4.2023	Chuyển công tác
4	Phòng Kế hoạch - Tài chính	1			1	Kế toán viên	06.031	Tháng 6.2023	Chuyển công tác
5	Khoa Cơ bản	1		1		Giảng viên GDNN lý thuyết hạng III	V.09.02.03	Tháng 6.2023	Chuyển công tác



Số người nghỉ hưu đúng tuổi, nghỉ thôi việc, nghỉ theo NĐ 108, xin thôi việc

TT	Tên cơ quan, tổ chức	Số người nghỉ hưu đúng tuổi, nghỉ thôi việc, nghỉ theo NĐ 108, xin thôi việc							
		Tổng số	Chức danh quản lý	Vị trí chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	Vị trí chuyên môn	Hạng chức danh NN	Mã chức danh nghề nghiệp	Thời gian nghỉ (ngày/tháng/năm)	Lý do nghỉ
6	Khoa GDMN & GDPT	1		1		Giảng viên Hạng III	V.07.08.22	Tháng 7.2023	Chuyển công tác
7	Khoa Nội vụ	1		1		Giảng viên GDNN lý thuyết hạng III	V.09.02.03	Tháng 10.2023	Chuyển công tác
8	Khoa Nội vụ	1		1		Giảng viên GDNN lý thuyết hạng III	V.09.02.03	Tháng 10.2023	Chuyển công tác
9	Phòng CT HSSV	1		1		Giảng viên GDNN lý thuyết hạng III	V.09.02.03	Tháng 10.2023	Chuyển công tác
II	TỔNG CỘNG	9	2	6	1				